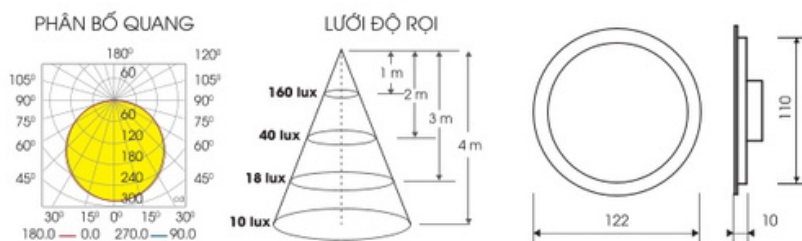
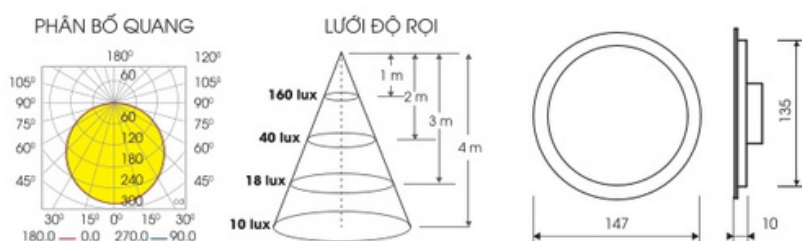




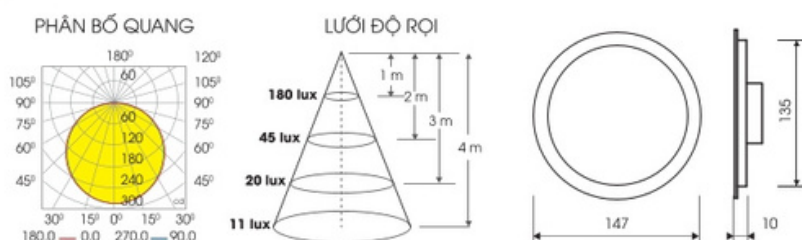
PT05 110/10W



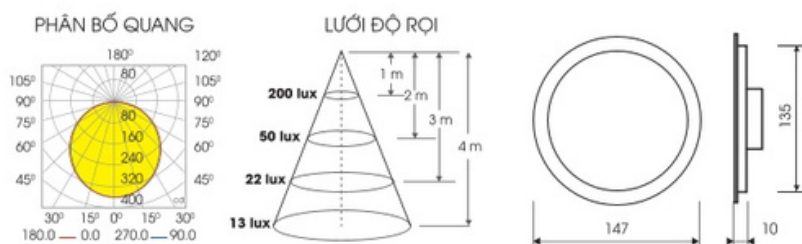
PT05 135/9W



PT05 135/10W



PT05 135/12W



Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Đường kính khoét trần (øxH)	Kích thước (øxH)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm	mm
PT05 110/10W	10	150÷250	0.5	75/80/80	750/800/800	3000/4000/6500	≥ 80	25000	110	134x26
PT05 135/9W	9	150÷250	0.5	80/88/88	720/800/800	3000/4000/6500	80	25000	135	147x10
PT05 135/10W	10	150÷250	0.5	85/90/90	850/900/900	3000/4000/6500	≥ 80	25000	135	158x26
PT05 135/12W	12	150÷250	0.5	75/83/83	900/1000/1000	3000/4000/6500	80	25000	135	147x10